TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÝ NHÂN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Phạm Quốc Tuấn;

2. Bà Lê Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lô Thị Đ, sinh năm 1970; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2019, bản tự khai, lời khai nguyên đơn chị Lô Thị Đ, bị đơn anh Lê Văn K trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Năm 1994, chị Lô Thị Đ và anh Lê Văn K tự nguyện về chung sống với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương nhưng anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Sau ngày cưới, chị và anh K chung sống với nhau như vợ chồng tại xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An được khoảng 01 năm thì vợ chồng chuyển về quê chồng ở xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam sinh sống, làm việc cho đến nay nhưng anh chị cũng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì

phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 8/2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do anh K nghi ngờ chị Đ có ngoại tình với người đàn ông khác, vợ chồng cãi nhau, sống ly thân cho tới nay. Nay chị Đ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Anh K cho rằng: Năm 1994, anh và chị Đ tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn, chỉ được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi. Sau khi cưới, anh chị chung sống với nhau ở quê vợ xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An được khoảng 01 năm thì vợ chồng chuyển về quê anh ở xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam sinh sống và làm việc cho đến nay, nhưng cũng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống, chị Đ thường xuyên về thăm nhà bố mẹ đẻ chị Đ ở Nghệ An và còn ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, do bực tức nên anh Kiêm dùng tay tát chị Đ. Đến tháng 8/2018 vợ chồng ly thân nhau cho tới nay. Nay anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn với chị Đ.

- *Về con chung:* Chị Đ, anh K đều xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 15/10/1994 và cháu Lê Huy N, sinh ngày 01/3/2002, cháu N do chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Đức A đang đi nghĩa vụ quân sự. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị Đ, anh K thoả thuận giao cháu N cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Đối với cháu Đức A đã trên 18 tuổi, tự lập nên các đương sự không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- *Về tài sản, nợ chung và các vấn đề khác:* Chị Đ, anh K đều không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên toà:*

- Nguyên đơn chị Lô Thị Đ, bị đơn anh Lê Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bầy trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có ý kiến:

+ Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lý Nhân. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị không công nhận chị Đ, anh K là vợ chồng theo quy định tại Điều 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của các đương sự, đề nghị giao cháu Lê Huy N cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Đ. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Lô Thị Đ cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là *"Không công nhận là vợ chồng, giải quyết về con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị Đ và anh Lê Văn K chung sống với nhau là tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đã có con chung, chị Đ, anh K đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và đã chung sống với nhau như vợ chồng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau căng thẳng. Nay chị Đ, anh K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đều đề nghị được ly hôn nhau. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận đơn ly hôn của chị Đ, nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên pháp luật không công nhận là vợ chồng theo quy định tại mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Đ, anh K đều xác nhận có 02 con chung là cháu Lê Đức A, sinh ngày 15/10/1994 và cháu Lê Huy N, sinh ngày 01/3/2002, cháu N do chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Đức A đang đi nghĩa vụ quân sự. Trường hợp vợ chồng ly hôn chị Đ, anh K thoả thuận giao cháu N cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng cho tới khi cháu đủ 18 tuổi, anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ, cháu N cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy thoả thuận của các đương sự và ý kiến của cháu N là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với cháu Đức A đã trên 18 tuổi chị Đ, anh K không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử không công nhận chị Lô Thị Đ và anh Lê Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Huy N, sinh ngày 01/3/2002 cho chị Lô Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Đ.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lô Thị Đ phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng. Đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Đ đã nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0003526 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đ;
- UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Cổng TT điện tử TA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đỗ Quốc Huy